

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HS-ST.
Ngày 31-10-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Chiến.

Ông Phùng Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm H, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 29/7/1969, tại thị xã nay là thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 29, ngõ 11, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn 12/12; con ông Phạm H và bà Phạm Thị C (Đều đã chết); vợ: Phạm Kim T (đã ly hôn năm 2006); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/3/2013 bị Công an thành phố L xử phạt hành chính 3.000.000 đồng về hành vi Hủy hoại tài sản, đã chấp hành xong từ ngày 31/5/2013 và được xóa. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 70/2016/HSST, ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 88/2016/HSST, ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Phạm H 04 (bốn) tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản (xác định hành vi xét xử tại phiên tòa hôm nay xảy ra trước ngày xét xử các bản án nêu trên); bị án đã chấp hành xong Bản án từ tháng 6/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/5/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, đến ngày 04/10/2018 (04 tháng 07 ngày) được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn H1), sinh năm 1971; địa chỉ: Số 28, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Hải A, sinh năm 1989; địa chỉ: Ngõ 3, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đặng Quốc B, sinh năm 1975. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H 2, sinh năm 1965. Có mặt.

+ Chị Lý Thị N, sinh năm 1992. Có mặt.

+ Anh Phùng Anh Đ, sinh năm 1976. Có mặt.

+ Ông Trần Duy N, sinh năm 1960. Vắng mặt.

+ Chị Lương Mai T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1974. Vắng mặt.

+ Chị Vi Thị Hoàng H, sinh năm 1977. Vắng mặt.

+ Chị Lương Thị Mỹ N, sinh năm 1987. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2015, Phạm H đã liên hệ với Trần Duy N để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA COROLLA, màu xanh, biển kiểm soát 12H-93xx (xe mua lại của chị Lương Mai T) với giá 635.000.000 VNĐ. Do chưa có tiền nên Phạm H đã nhờ Nguyễn Văn H (H 1) bỏ tiền ra mua xe trước, rồi làm thủ tục chuyển nhượng đứng tên Nguyễn Văn H, khi Phạm H thanh toán đủ tiền thì Nguyễn Văn H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho Phạm H. Ngày 09/4/2015, Trần Duy N cùng Phạm H và Nguyễn Văn H đến Văn phòng Công chứng A để làm Hợp đồng ủy quyền sở hữu chiếc xe cho Nguyễn Văn H. Sau khi mua được chiếc xe ô tô, Phạm H là người trực tiếp quản lý và sử dụng.

Khoảng từ cuối 2015, Phạm H đã thanh toán tiền mua xe cho Nguyễn Văn H, cụ thể: Lần thứ nhất 50.000.000VNĐ. Lần thứ hai: Nguyễn Văn H cần tiền kinh doanh nên yêu cầu Phạm H đem xe cùng giấy tờ xe đến gặp Nguyễn Văn H2 cầm cố lãi xuất cao để vay và đưa toàn bộ số tiền 410.000.000VNĐ cho Nguyễn Văn H. Sau đó Phạm H đã làm thủ tục thế chấp nhà để vay tiền Ngân hàng trả cho Nguyễn Văn H và nhận lại xe. Lần thứ ba: Phạm H đã đưa giấy tờ xe để cho Nguyễn Văn H 2 tự mang đi cầm cố với Nguyễn Văn H 2 lấy 100.000.000VNĐ. Lần thứ tư: Phạm H tiếp tục mang xe ô tô đi cầm cố với Nguyễn Văn H2 lấy 30.000.000VNĐ để đưa cho Nguyễn Văn H. Khoảng 01 tháng sau, Phạm H đã trả đủ 130.000.000VNĐ cho Nguyễn Văn H2 để lấy xe cùng toàn bộ giấy tờ. Tổng số tiền Phạm H đã thanh toán cho Nguyễn Văn H là 590.000.000VNĐ.

Ngày 22/01/2016, Nguyễn Văn H bị bắt và bị xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy; trong thời gian Nguyễn Văn H chấp hành án, do cần sử dụng xe nên Phạm H đã làm giấy tờ và giả chữ ký của chị Lương Mai T trên giấy bán xe rồi đến Ủy ban nhân dân phường H làm thủ tục chứng thực việc mua bán vào ngày 08/4/2016. Sau đó Phạm H nhờ Phùng Anh Đ làm thủ tục sang tên và đăng

ký xe mang Biển kiểm soát 12A - 062.xx. Tháng 4/2018, Nguyễn Văn H chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương thì được biết Phạm H đã tự ý làm thủ tục sang tên chiếc xe nên Nguyễn Văn H yêu cầu Phạm H phải thanh toán số tiền 45.000.000 VNĐ còn thiếu, nhưng Phạm H cho rằng đã thanh toán đủ số tiền mua xe ô tô.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Anh Phạm Hải A (con trai Phạm H) đã hoàn trả cho Nguyễn Văn H số tiền 45.000.000 VNĐ. Bị hại công nhận đúng toàn bộ nội dung sự việc như bị cáo khai nhận, xác nhận đã nhận đủ số tiền 45.000.000 VNĐ và nhất trí đề nghị cho Phạm H được quyền sở hữu chiếc xe ô tô theo thỏa thuận đồng thời đã có đơn đề nghị và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 73/CT-VKS, ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Phạm H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 và chuyển hồ sơ để xử lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 140; các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Tuyên bố Phạm H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.
 - Xử phạt bị cáo Phạm H 04 (bốn) tháng 07 (bảy) ngày tù tương ứng bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam. Áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với mức 10.000.000 VNĐ.
 - Công nhận thỏa thuận về việc bồi thường thỏa đáng.
 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho Phạm H toàn bộ vật chứng của vụ án bao gồm chiếc xe ô tô cùng giấy tờ và yêu cầu bị cáo phải hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sở hữu đúng theo quy định. Tịch thu tiêu hủy giấy đăng ký xe đứng tên Phạm H.
 - Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận với đề nghị luận tội.
- Lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

[3] Khoảng tháng 4/2015 Phạm H đã mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA COROLLA, màu xanh, Biển kiểm soát 12H – 93xx với giá 635.000.000VNĐ. Do chưa có tiền nên Phạm H đã thỏa thuận nhờ Nguyễn Văn H (H1) bỏ tiền ra mua xe trước và đứng tên làm thủ tục chuyển nhượng; khi nào trả đủ tiền thì Nguyễn Văn H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho Phạm H. Sau khi mua được chiếc xe ô tô, Phạm H là người trực tiếp quản lý, sử dụng và đã nhiều lần trả cho Nguyễn Văn H với tổng số tiền 590.000.000VNĐ. Do có nhu cầu sử dụng xe chính tên chính chủ nhằm phục vụ mục đích kinh tế của gia đình, nhưng thời điểm đó Nguyễn Văn H đang chấp hành án nên Phạm H đã có hành vi gian dối (ký giả chữ ký của chủ sở hữu xe đầu tiên mang tên Lương Mai T mang đi chứng thực tại Ủy ban phường), tự ý làm thủ tục sang tên đổi chủ và đăng ký mới xe mang Biển kiểm soát 12A- 062.xx để hợp thức hóa quyền sở hữu, nhằm chiếm đoạt số tiền 45.000.000VNĐ còn thiếu nợ của Nguyễn Văn H.

[4] Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tin, thỏa thuận với bị hại để họ chuyển giao tài sản cho mình quản lý, sử dụng sau đó dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản có giá trị là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo phạm tội có tính chất nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[5] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Phạm H đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối chiếu với khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì quy định của khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn nên được áp dụng để khởi tố, truy tố và xét xử đối với hành vi của bị cáo xảy ra vào năm 2016 trước thời điểm Bộ luật hình sự hiện hành có hiệu lực pháp luật; bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết còn cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan, nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát, cụ thể:

[7] **Nhân thân:** Bị cáo đã từng bị xét xử về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản nhưng không thuộc trường hợp xác định có tiền án trong vụ án này bởi hành vi

đó xảy ra sau nhưng được xét xử trước và bị cáo đã chấp hành xong bản án. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất éo le, bản thân đã ly hôn với vợ từ năm 2006, hiện là lao động duy nhất kiếm tiền nuôi con ăn học.

[8] **Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có.

[9] **Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi hoàn toàn bộ thiệt hại và khắc phục hậu quả đầy đủ, kịp thời; bị hại có đơn đề nghị và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 và Khoản 2 (01 tình tiết) Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[10] **Hình phạt chính:** Đánh giá một cách khách quan, toàn diện, thấy rằng; tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (khung hình phạt cao nhất đến 03 năm). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Điều kiện hoàn cảnh gia đình hiện gặp nhiều khó khăn, bị cáo là trụ cột và là lao động chính nuôi sống gia đình. Thực hiện chính sách pháp luật khoan hồng của Đảng và Nhà nước, xem xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ của người phạm tội (*như đã phân tích ở trên*); Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt, bằng với thời hạn bị cáo đã bị tạm giam là đảm bảo tính chất giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm đồng thời phán quyết này cũng phù hợp với đánh giá và đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

[11] **Hình phạt bổ sung:** Bị cáo phạm tội vì mục đích chiếm đoạt tài sản, bản thân có tài sản đảm bảo thi hành án nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung với mức khởi điểm theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999.

[12] **Trách nhiệm dân sự:** Xác định anh Nguyễn Văn H đã được nhận đủ 635.000.000 VNĐ số tiền mua hộ xe cho Phạm H theo thỏa thuận; bị hại nhất trí, đề nghị cho bị cáo được quyền sở hữu chiếc xe ô tô. Do việc bị cáo thực hiện đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe Biển kiểm soát 12H - 062.xx bằng hành vi trái pháp luật nên cần hủy các giấy tờ liên quan và anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm cùng với Phạm H thực hiện việc đăng ký lại quyền sở hữu chiếc xe. Việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp xét thấy hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần tôn trọng quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự, công nhận thỏa thuận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] **Xử lý vật chứng:** Trả lại chiếc xe ô tô cho Phạm H vì đã thanh toán đủ giá trị chiếc xe cho anh Nguyễn Văn H. Trả lại các vật chứng là giấy tờ chứng minh quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chiếc xe ô tô cho Phạm H. Tịch thu tiêu hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vì giấy tờ này được hình thành và có nguồn gốc từ hành vi trái pháp luật của bị cáo (ký giả chữ ký người bán, hồ sơ

chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L không đúng quy định) nên không có giá trị pháp lý.

[14] **Con người, sự việc liên quan:** Đối với bà Vi Thị Hoàng H, nguyên là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L đã có hành vi chứng thực Giấy bán xe ô tô giữa chị Lương Mai T với Phạm H không đúng quy định, trình tự thủ tục chứng thực có dấu hiệu hành vi thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ; tuy nhiên hậu quả chưa nghiêm trọng (thể hiện số tiền bị hại bị chiếm đoạt dưới 50.000.000 VNĐ), chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vi Thị Hoàng H. Đối với Phùng Anh Đ là người được Phạm H nhờ và đã giúp làm giấy tờ đăng ký quyền sở hữu chiếc xe, nhưng không biết hành vi chứng thực gian dối và mục đích của Phạm H chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xác định đồng phạm trong vụ án. Đối với Nguyễn Văn H 2 cho Phạm H và Nguyễn Văn H vay, tính theo năm tương ứng với 72%/01 năm của khoản tiền vay là hành vi Vi phạm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhưng chưa đủ các dấu hiệu quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự về tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự; Công an thành phố Lạng Sơn đã lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

[15] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường toàn bộ trước khi xét xử.

[16] Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định mức hình phạt.

[17] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 và khoản 5 Điều 140; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 (01 tình tiết) Điều 46; khoản 2 Điều 30 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm H đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- **Hình phạt chính:** Xử phạt bị cáo Phạm H 04 (bốn) tháng 07 (bảy) ngày tù. Xác nhận bị cáo Phạm H đã thi hành xong hình phạt tù.

- **Hình phạt bổ sung:** Xử phạt bị cáo Phạm H số tiền 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự:

- Bị cáo Phạm H có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả số tiền 45.000.000VNĐ (bốn mươi lăm triệu đồng) cho bị hại anh Nguyễn Văn H; xác nhận các đương sự đã thi hành đủ.

- Phạm H được quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA COROLLA, màu xanh, biển kiểm soát hiện tại 12H- 062.xx và có nghĩa vụ đăng ký lại quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thực hiện hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ liên quan để chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho Phạm H theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007810 mang tên Phạm H.

- Trả lại cho Phạm H: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA COROLLA, Biển kiểm soát hiện tại: 12A-062.xx; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số: 0044540xx do Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tỉnh Lạng Sơn cấp; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC55313xx của xe ô tô 12A-062.xx; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện số 0044552xx do Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tỉnh Lạng Sơn cấp. (Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo các biên bản giao nhận vật chứng ngày xx/10/2018 và ngày xx/10/2018 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm H phải chịu 200.000VNĐ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Tòa báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP.L, T. Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an TP.L, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THASDS TP. L, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu Toà, Hồ sơ lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường.